ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 80 /2026/QĐ-UBND	*Ninh Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 278/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận, cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2026;

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam;

b) Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định;

c) Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Ktra VB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP và PCVP;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, VP3, 4, 5, 7, 11.

L/VP3/2026/QĐ01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Nguyễn Anh Chức

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 */2026/QĐ-UBND)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo *(sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường)*; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình bao gồm thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình phải phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và kiến trúc Chính quyền điện tử

tỉnh Ninh Bình; được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 5. Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường

Yêu cầu chung và các nhóm chức năng, dịch vụ cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường được quy định tại Điều 22 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.

2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.

4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.

6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Nhà nước quản lý được ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các cấp bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chia sẻ giữa các cơ quan Nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định tại Luật Phí và Lệ phí.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II
THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, phục vụ kịp thời công tác quản lý Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Căn cứ lập kế hoạch và các nội dung cơ bản của kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình.

3. Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị; phòng Nông nghiệp và Môi trường các xã, phường có trách nhiệm thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã trước khi gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III
TỔ CHỨC QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU; CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu thu thập phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu tài nguyên và Môi trường phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ và các quy định, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Việc in, sao chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật Nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, tu bổ, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 12. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu; cơ sở dữ liệu

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu thông qua các biện pháp về tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu, cơ sở dữ liệu, an toàn hệ thống máy tính và an ninh mạng đối với hệ thống lưu trữ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin cho Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, gửi Công an tỉnh thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với quản trị mạng, cơ quan chuyên môn về an toàn thông tin của tỉnh thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

Điều 13. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Chương IV
KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI VÀ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Công bố Danh mục thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Hình thức khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu qua trang thông tin hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Điều 11 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử giữa các sở, ban, ngành và giữa Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; Điều 7, Điều 12 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

Điều 17. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương V
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh phê duyệt trước ngày 31 tháng 10; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa cơ sở dữ liệu tỉnh với các tỉnh, thành phố khác và các bộ, ngành.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp, đồng bộ dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng trong ngành bảo đảm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của ngành; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với nền tảng tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Chủ trì cùng các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

5. Thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; hàng năm xây dựng kế hoạch chỉnh lý hồ sơ, tài liệu giấy, quét số hóa vào phần mềm "kho lưu trữ" để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ, có hệ thống, khoa học nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi

trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

7. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng, tổng hợp Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi Danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác quản lý Nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, lĩnh vực.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

4. Phối hợp, hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện kết nối, tích hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường với Trục liên thông tích hợp LGSP và kết nối, chia sẻ dữ liệu về Kho lưu trữ dùng chung của tỉnh Ninh Bình.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Tài chính

Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí phục vụ thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn các sở, ban, ngành

1. Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Tham gia góp ý bằng văn bản sau khi nhận được dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng.

3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm theo lĩnh vực phụ trách.

Điều 22. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Tham gia góp ý bằng văn bản đối với dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng.

3. Chỉ đạo Phòng Kinh tế, hạ tầng và Đô thị; phòng Nông nghiệp và Môi trường theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ xác định, lập Danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập trên địa bàn xã, phường quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo Kế hoạch thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; tiến hành thu thập, phân loại, kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường quản lý; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Nông nghiệp và Môi trường về thông tin mô tả của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu hoặc có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu (thực hiện theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ).

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

4. Không được truy cập, thay đổi, giả mạo, sao chép, tiết lộ, gửi, hủy trái phép tài liệu lưu trữ điện tử.

5. Không được tạo ra hoặc phát tán chương trình phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại hệ thống điều hành hoặc có hành vi khác nhằm phá hoại phương tiện quản lý tài liệu lưu trữ điện tử.

6. Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định.

7. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

8. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

9. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

10. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

Các dữ liệu, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu, cơ sở dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Nông nghiệp và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, đề tài đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp xử lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.